

Đăng ký hệ thống chỉ tiêu chiến lược nâng cao chất lượng giáo dục mầm non giai đoạn 2025-2030 trên địa bàn phường Đức Phổ
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /9/2025 của UBND phường Đức Phổ)

STT	Danh mục chỉ tiêu	Đơn vị tính	U' TH năm 2025	Chỉ tiêu đến năm 2030 của phườn g Đức Phổ	Cấp xã xã					Đơn vị Trường Mầm non Phổ Vinh					Đơn vị Trường Mầm non Phổ Minh					Đơn vị Trường Mầm non Nguyễn Nghiêm					Đơn vị Trường Mầm non Phổ Ninh					Đơn vị Trường Mầm non Phổ Hòa				
					Chỉ tiêu cụ thể từng năm học					Chỉ tiêu cụ thể từng năm học					Chỉ tiêu cụ thể từng năm học					Chỉ tiêu cụ thể từng năm học					Chỉ tiêu cụ thể từng năm học					Chỉ tiêu cụ thể từng năm học				
					2025-2026	2026-2027	2027-2028	2028-2029	2029-2030	2025-2026	2026-2027	2027-2028	2028-2029	2029-2030	2025-2026	2026-2027	2027-2028	2028-2029	2029-2030	2025-2026	2026-2027	2027-2028	2028-2029	2029-2030	2025-2026	2026-2027	2027-2028	2028-2029	2029-2030	2025-2026	2026-2027	2027-2028	2028-2029	2025-2026
A	CẤP MẦM NON																																	
1	Chỉ tiêu tiếp cận giáo dục																																	
1.1	Tỷ lệ huy động trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi đi nhà trẻ	%	33,28	40	33,275	35,25	36,5	38,5	40	30	33	35	37	38	43	44	45	46	47	36,8	37	37,5	38,5	39	35	35,5	36	37	38	25,1	27	30	34	
	Chung	%	33,28	40	33,275	35,25	36,5	38,5	40	30	33	35	37	38	43	44	45	46	47	36,8	37	37,5	38,5	39	35	35,5	36	37	38	25,1	27	30	34	
	Dân tộc thiểu số (DTTS)	%																																
1.2	Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	
1.3	Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo	phườn g																																
	Tỷ lệ huy động trẻ em từ 03 đến 05 tuổi đi học mẫu giáo	%	89,18	97,6	89,18	91,5	93,2	95,4	97,6	92	94	95	96	97	92	93	94	95	97	96,8	97	98	99	100	90,1	92,5	93	95	97	75	81	86	92	
1.4	Trẻ em DTTS trong các cơ sở GDMN được tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ	%																																
1.5	Trẻ DTTS được chuẩn bị Tiếng Việt	%																																
1.6	Ti lệ trẻ 5 tuổi tăng cường tiếng việt trước khi vào lớp 1	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	
1.7	Tỷ lệ trẻ khuyết tật học hòa nhập trong các cơ sở giáo dục	%																																
1.8	Tỷ lệ trường mầm non dân lập, tư thực	%	16,7	30	16,7	21	24	27	30																									
1.9	Số trẻ em theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thực	%	15,8	35	15,8	20	25	30	35																									
1.10	Tỷ lệ trẻ em mầm non đến trường được học 2 buổi/ngày	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	
2	Chỉ tiêu đảm bảo chất lượng giáo dục	%																																
2.1	100% cơ sở giáo dục mầm non triển khai, thực hiện triển Chương trình giáo dục Mầm non	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	
2.2	100% cơ sở giáo dục mầm non thực hiện triển khai chương trình sức khỏe học đường 2026-2030	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	
2,3	100% cơ sở giáo dục mầm non đáp ứng mức độ chuyển đổi số theo quy định	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	

STT	Danh mục chỉ tiêu	Đơn vị tính	ƯTH năm 2025	Chỉ tiêu đến năm 2030 của phườn g Đức Phổ	Cấp xã xã					Đơn vị Trường Mầm non Phố Vinh					Đơn vị Trường Mầm non Phố Minh					Đơn vị Trường Mầm non Nguyễn Nghiêm					Đơn vị Trường Mầm non Phố Ninh					Đơn vị Trường Mầm n Phố Hòa			
					Chỉ tiêu cụ thể từng năm học					Chỉ tiêu cụ thể từng năm học					Chỉ tiêu cụ thể từng năm học					Chỉ tiêu cụ thể từng năm học					Chỉ tiêu cụ thể từng năm học					Chỉ tiêu cụ thể từng năm			
					2025-2026	2026-2027	2027-2028	2028-2029	2029-2030	2025-2026	2026-2027	2027-2028	2028-2029	2029-2030	2025-2026	2026-2027	2027-2028	2028-2029	2029-2030	2025-2026	2026-2027	2027-2028	2028-2029	2029-2030	2025-2026	2026-2027	2027-2028	2028-2029	2029-2030	2025-2026	2026-2027	2027-2028	2028-2029
3	Chỉ tiêu đảm bảo điều kiện	%																															
3.1	Đội ngũ	%																															
3.1.1	Giáo viên mầm non đạt chuẩn trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục	%	98,2	100	98,2	100	100	100	100	100	100	100	100	100	91	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
3.1.2	Giáo viên mầm non DTTS đạt chuẩn trình độ chuẩn được đào tạo	%																															
3.1.3	Đánh giá giáo viên chuẩn nghề nghiệp từ Khá trở lên	%	98	100	98	99	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	90	95	100	100
3.1.4	Đánh giá giáo viên DTTS chuẩn nghề nghiệp từ Khá trở lên	%																															
3.1.5	Giáo viên được bồi dưỡng chương trình giáo dục mầm non mới	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
3.1.6	GV dạy vùng DTTS được bồi dưỡng tiếng DTTS	%																															
3.2	Cơ sở vật chất	%																															
3.2.1	Tỷ lệ phòng học kiên cố	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
3.2.2	Trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100

on	Ghi chú
học	
2029-2030	
38	
38	
100	
97	
100	
100	
100	
100	
100	

on	Ghi chú
học	
2029-2030	
100	
100	
100	
100	
100	